

# CÔNG TY CỔ PHẦN KEKI VIỆT NAM



**HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ**  
**SỐ: 18/KEKI/2025**

**SẢN PHẨM**  
**BÁNH GẠO NHẬT VỊ BÒ NƯỚNG**

Hải Dương, tháng .... /2025

**CÔNG TY**  
**CP KEKI VIỆT NAM**  
Số: 18/QĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

V/v: Công bố sản phẩm

Hải Dương, ngày tháng năm 2025

- Căn cứ: Luật An toàn thực phẩm 2010;
- Căn cứ nghị định 152018/NĐ – CP hướng dẫn luật ATTP;
- Căn cứ tình hình kinh doanh của Công ty;

## **THÔNG BÁO**

### **CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN KEKI VIỆT NAM**

Địa chỉ: Thửa đất số 1488, tờ bản đồ số 09, Thị Trấn Thanh Miện, Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0903455175

Mã số doanh nghiệp: 0801249246

**Điều 1: Công bố hợp quy cho các sản phẩm như sau:**

- Tên sản phẩm: **BÁNH GẠO NHẬT VỊ BÒ NƯỚNG**
- Số: 18/KEKI/2025

**Điều 2: Hiệu lực**

Các Hồ sơ công bố có hiệu lực kể từ ngày ban hành thông báo và niêm yết tại trụ sở công ty.

Các bộ phận, phòng ban liên quan có trách nhiệm tuân thủ theo nội dung Công bố.

**Nơi nhận**

- Gửi lãnh đạo
- Phòng kinh doanh./.
- Chi cục ATTP Hải Dương.
- Lưu văn thư./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**CỦA CÔNG TY**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHẠM HỮU TUẤN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 18/KEKI/2025**

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN KEKI VIỆT NAM**

Địa chỉ: Thửa đất số 1488, tờ bản đồ số 09, Thị Trấn Thanh Miện, Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0903455175

Website: [banhgaokeki@com.vn](mailto:banhgaokeki@com.vn)

Mã số doanh nghiệp: 0801249246

Hệ thống quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm đã được chứng nhận theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 22000:2018 số UASL25.2502, ngày cấp: 25/02/2025, đơn vị cấp: Công ty TNHH UASL VIỆT NAM.

**II. Thông tin về sản phẩm:**

**1. Tên sản phẩm: BÁNH GẠO NHẬT VỊ BÒ NƯỚNG**

**2. Thành phần:** Gạo Japonica (giống từ Nhật) (61%), dầu cọ, bột gia vị bò nướng (5.8%) (đường tinh luyện, gia vị hỗn hợp hương vị bò (hương thực phẩm, maltodextrin, bột gừng, muối, bột quế, bột gia vị cà chua, chiết xuất nấm men, axit citric (330), axit DL-malic (296)), muối, chất điều vị (621), bột nước tương, bột hành tây, gia vị bột thịt bò (7%) (muối, đường, chất điều vị (621), thịt bò (15%), tinh bột, đạm thực vật thủy phân, chất điều vị (635), chất chống đông vón (551), hương thực phẩm, gia vị), bột tỏi, bột ớt, chất chống đông vón (551), hương thực phẩm, gia vị, chất điều vị (635), ớt bột), bột khoai tây, đường tinh luyện, tinh bột biến tính (1420), muối, glucose, chất điều vị (621).

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

- Thời hạn sử dụng: 09 tháng kể từ ngày sản xuất.

- Ngày sản xuất (NSX): Được in trên bao bì (ngày/tháng/năm).

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Quy cách đóng gói: Sản phẩm được đóng trong túi có khối lượng tịnh 110g. 20 gói được xếp vào 1 thùng giấy Carton. Quy cách đóng gói có thể thay đổi theo nhu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói bằng bao bì Metallize CPP (MCPP) đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN KEKI VIỆT NAM**



- Địa chỉ: Thửa đất số 1488, tờ bản đồ số 09, Thị trấn Thanh Miện, Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm:** (Có file chi tiết đính kèm).

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Luật số 55/2010/QH12 của Quốc Hội ban hành Luật an toàn thực phẩm;
- Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
- Nghị định 43/2017/NĐ-CP của Chính Phủ quy định về nhãn hàng hóa;
- Nghị định 111/2021/NĐ-CP của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP của Chính Phủ về nhãn hàng hóa;
- Thông tư 24/2019/TT-BYT của Bộ Y tế Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư 29/2023TT-BYT của Bộ Y tế về hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
- QCVN 8-1:2011/BYT của Bộ Y tế “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm”.
- QCVN 8-2:2011/BYT của Bộ Y tế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Theo tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất đính kèm.
- Và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan đến việc đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hải Dương, ngày .... tháng .... năm 2025

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN KEKI VIỆT NAM**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHẠM HỮU TUẤN**

**TIÊU CHUẨN CƠ SỞ CỦA NHÀ SẢN XUẤT**  
**Số: 18/KEKI/2025**

**1. Tổ chức, cá nhân tự công bố và chịu trách nhiệm về sản phẩm**

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN KEKI VIỆT NAM.**

- Địa chỉ: Thửa đất số 1488, tờ bản đồ số 09, Thị Trấn Thanh Miện, Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0903455175

Website: banhgaokeki@com.vn

**1.1 Các chỉ tiêu cảm quan**

| STT | Tên chỉ tiêu | Yêu cầu                                                                 |
|-----|--------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Trạng thái   | Bánh xốp, giòn.                                                         |
| 2   | Màu sắc      | Màu sắc cơ bản là màu vàng nâu nhạt tới vàng nâu đậm.                   |
| 3   | Mùi          | Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm                                         |
| 4   | Vị           | Vị mặn ngọt kết hợp với ngọt béo. Không có mùi vị lạ, không có tạp chất |

**1.2. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:**

| STT | Tên chỉ tiêu  | Đơn vị tính | Mức công bố    |
|-----|---------------|-------------|----------------|
| 1   | Năng lượng    | Kcal/100g   | 335 – 621      |
| 2   | Chất đạm      | g/100g      | 4.16 – 7.72    |
| 3   | Carbohydrat   | g/100g      | 48.72 – 90.48  |
| 4   | Đường tổng số | g/100g      | 4.96 – 9.22    |
| 5   | Chất béo      | g/100g      | 13.44 – 24.96  |
| 6   | Natri         | mg/100g     | 611.8 – 1136.2 |
| 7   | Độ ẩm         | %           | ≤ 8.0          |



**1.3. Hàm lượng kim loại nặng theo QCVN 8-2:2011/BYT của Bộ Y tế:**

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức công bố |
|-----|--------------|-------------|-------------|
| 1   | Chì (Pb)     | mg/kg       | $\leq 0,2$  |
| 2   | Cadimi (Cd)  | mg/kg       | $\leq 0,4$  |

**1.4. Hàm lượng độc tố vi nấm theo QCVN 8-1:2011/BYT của Bộ Y tế:**

| STT | Tên chỉ tiêu                       | Đơn vị tính      | Mức công bố |
|-----|------------------------------------|------------------|-------------|
| 1   | Aflatoxin B1                       | $\mu\text{g/kg}$ | $\leq 2$    |
| 2   | Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2) | $\mu\text{g/kg}$ | $\leq 4$    |
| 3   | Ocharatoxin A                      | $\mu\text{g/kg}$ | $\leq 3$    |
| 4   | Dexynivalenol                      | $\mu\text{g/kg}$ | $\leq 500$  |
| 5   | Zearalenone                        | $\mu\text{g/kg}$ | $\leq 50$   |

**1.5. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:**

- Hướng dẫn sử dụng: Mở bao bì sản phẩm và sử dụng trực tiếp.
- Bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, tránh ánh nắng trực tiếp.

**1.6. Thông tin cảnh báo**

- Chất gây dị ứng có trong thành phần: Đậu nành, lúa mì.
- Không sử dụng gói hút ẩm nếu có trong sản phẩm.

**1.7. Công ty sản xuất và chịu trách nhiệm về sản phẩm**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KEKI VIỆT NAM**

Địa chỉ sản xuất: Thửa đất số 1488, tờ bản đồ số 09, Thị trấn Thanh Miện, Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Số BTCTB:18/KEKI/2025

Sản xuất tại Việt Nam



Hải Dương, ngày .... tháng .... năm 2025

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN KEKI VIỆT NAM**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHẠM HỮU TUẤN**



AR-25-VD-110075-01 / EUVNHC-00345485- Trang : 1 / 2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## CÔNG TY CỔ PHẦN KEKI VIỆT NAM

Thửa đất số 1488, tờ bản đồ số 09, Thị trấn Thanh Miện, Huyện Thanh Miện  
Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : NGM22506120181-HN

Mã số mẫu : 743-2025-00103603

Mã số Eol :

005-32410-483125

Tên mẫu :

BÁNH GẠO NHẬT VỊ BÒ NƯỚNG

Tình trạng mẫu :

Mẫu đựng trong bao bì kín

Ngày nhận mẫu :

13/06/2025

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 24/06/2025

Thời gian thử nghiệm :

13/06/2025 - 24/06/2025

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM                                | ĐƠN VỊ    | PHƯƠNG PHÁP THỬ                                              | KẾT QUẢ                       |
|-----|----------------------------------------------------|-----------|--------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| 1   | VW020 VW (a) <i>Salmonella spp.</i>                | l/25 g    | ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020                                   | Không phát hiện               |
| 2   | VW019 VW (a) <i>Escherichia coli</i>               | cfu/ g    | TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)                          | Không phát hiện<br>(LOD=10)   |
| 3   | VW012 VW (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí          | cfu/ g    | ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022                                   | 5.0x10 <sup>4</sup>           |
| 4   | VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng                         | g/ 100 g  | AOAC 991.43                                                  | 1.40                          |
| 5   | VW066 VW (a) Protein                               | g/ 100 g  | TCVN 10034:2013                                              | 5.94                          |
| 6   | VW07W VW (a) Tro Tổng                              | g/ 100 g  | N79-R-RD1-TP-9759(2022) (Tham khảo AOAC 923.03)              | 2.59                          |
| 7   | VW083 VW (a) Độ ẩm                                 | g/ 100 g  | N79-R-RD1-TP-9762 (2022) (Tham khảo ISO 1573:1980)           | 1.29                          |
| 8   | VW081 VW (a) Béo tổng                              | g/ 100 g  | N79-R-RD1-TP-9756 (Tham khảo TCVN 8136:2009)                 | 19.2                          |
| 9   | VWWS6 VW Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng) | g/ 100 g  | FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003   | 69.6                          |
| 10  | VD4P0 VD (a) Đường tổng                            | g/ 100 g  | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)                   | 7.09                          |
| 11  | VD4P0 VD (a) Fructose                              | g/ 100 g  | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)                   | Không phát hiện<br>(LOD=0.15) |
| 12  | VD4P0 VD (a) Glucose                               | g/ 100 g  | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)                   | Không phát hiện<br>(LOD=0.15) |
| 13  | VD4P0 VD (a) Lactose                               | g/ 100 g  | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)                   | Không phát hiện<br>(LOD=0.15) |
| 14  | VD4P0 VD (a) Maltose                               | g/ 100 g  | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)                   | Không phát hiện<br>(LOD=0.15) |
| 15  | VD4P0 VD (a) Sucrose                               | g/ 100 g  | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)                   | 7.09                          |
| 16  | VD279 VD (a) Natri (Na)                            | mg/ 100 g | EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)                        | 874                           |
| 17  | VW067 VW (a) Ochratoxin A                          | µg/ kg    | N79-R-RD1-TP-9395 (Tham khảo TCVN 12599:2018; EN 16007:2011) | Không phát hiện<br>(LOD=0.5)  |



AR-25-VD-110075-01 / EUVNHC-00345485- Trang : 2 / 2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00103603

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM                          | ĐƠN VỊ      | PHƯƠNG PHÁP THỬ                 | KẾT QUẢ                     |
|-----|----------------------------------------------|-------------|---------------------------------|-----------------------------|
| 18  | VW068 VW (a) Aflatoxin B1                    | µg/ kg      | TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003) | Không phát hiện (LOD=0.5)   |
| 19  | VW068 VW (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2) | µg/ kg      | TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003) | Không phát hiện (LOD=0.5)   |
| 20  | VW01P VW (a) Zearalenon                      | µg/ kg      | EN 15850:2010                   | Không phát hiện (LOD=8)     |
| 21  | VW072 VW (a) Chì (Pb)                        | mg/ kg      | AOAC 2015.01                    | Không phát hiện (LOD=0.017) |
| 22  | VW073 VW (a) Cadimi (Cd)                     | mg/ kg      | AOAC 2015.01                    | Không phát hiện (LOD=0.01)  |
| 23  | VW01Q VW (a) Deoxynivalenol                  | µg/ kg      | EN 15891:2010                   | Không phát hiện (LOD=70)    |
| 24  | VWL74 VW Năng lượng (Bao gồm xơ dinh dưỡng)  | kcal/ 100 g | FAO 2003 77                     | 478                         |

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ngày 10-07-2025

Ký tên

Số chứng thực: 383 Quyển số: 01 - SCT/BS

Trần Thị Mỹ Dung  
Giám Đốc Chi Nhánh Miền BắcLý Hoàng Hải  
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 25/06/2025 và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 25/06/2025.

## Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải [www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/](http://www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/).

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 0801249246**

Đăng ký lần đầu: ngày 02 tháng 05 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 19 tháng 04 năm 2024

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KEKI VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KEKI VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

Thửa đất số 1488, tờ bản đồ số 09, Thị trấn Thanh Miện, Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0903455175

Fax:

Email: Contact@banhgaokeki.com.vn

Website: banhgaokeki@com.vn

**3. Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng.**

Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.500.000

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 21/06/1964

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030064000538

Ngày cấp: 10/12/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 10 Dã Tượng, Phường Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 10 Dã Tượng, Phường Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Số chứng thực: 186...Quyển số: 01...SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH  
NGUYỄN TIẾN BẢO

\* Họ và tên: PHẠM HỮU TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 17/10/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030078018264

Ngày cấp: 22/12/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật  
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu 12, Phường Thanh Bình, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải  
Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu 12, Phường Thanh Bình, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải  
Dương, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG

TRƯỞNG PHÒNG

Vũ Huy Cường



# CÔNG TY TNHH UASL VIỆT NAM

Địa chỉ VP: Số 34 TT02, Khu đô thị HD Mon, Đường Hàm Nghi, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0981860992 \* Email: admin@uasluk.com \* Website: uasluk.com



## GIẤY CHỨNG NHẬN



*Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của:*

### CÔNG TY CỔ PHẦN KEKI VIỆT NAM

**Địa chỉ: Thửa đất số 1488, tờ bản đồ số 09, Thị trấn Thanh Miện,**

**Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.**

*Đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn:*

## ISO 22000:2018

*Cho lĩnh vực:*

**Sản xuất các loại bánh khô từ gạo.**

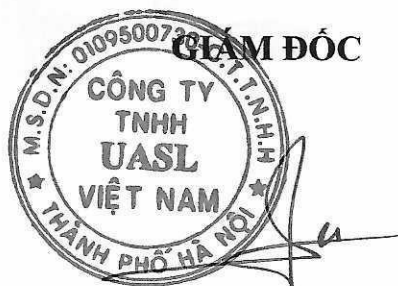
Số chứng nhận : UASL25.2502

Ngày ban hành: 25/02/2025

Ngày hết hạn : 24/02/2028

Kiểm tra thông tin chứng nhận trên: [uasluk.com](http://uasluk.com)

(Hiệu lực của giấy chứng nhận các năm tiếp theo sẽ được thể hiện kèm theo quyết định duy trì chứng nhận sau mỗi lần đánh giá giám sát)



**NGUYỄN TRƯỜNG QUANG**



# UASL VIET NAM COMPANY LIMITED

Office Address: No. 34 TT02, HD Mon Urban Area, Ham Nghi Street, My Dinh 2 Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi City.  
Tel: 0981860992 \* Email: admin@uasluk.com \* Website: uasluk.com



## CERTIFICATE



*This is to certify that the Food Safety Management System of:*

### KEKI VIET NAM JOINT STOCK

**Address: Land plot No 1488, Map sheet No 09,  
Thanh Mien Town, Thanh Mien District, Hai Duong Province, Vietnam.**

*Has been assessed and certified as meeting the requirements of:*

## ISO 22000:2018

*For the following activities:*

**Rice-based dry bakery production.**

Certificate No: UASL25.2502

Issue date : 25/02/2025

Expiry date : 24/02/2028

To check this certificate status visit: [uasluk.com](http://uasluk.com)

*(The validity of the certificate in subsequent years  
will be shown with the decision to maintain the  
certificate after each surveillance audit)*



**NGUYEN TRUONG QUANG**

